| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 7- ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |

Bản án số: **138**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 8 - 2026
*V/v ly hôn, t/c nuôi con chung*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trà Thị Thanh Thắm

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Vũ Thị Thanh Loan;

2. Bà Võ Thị Trà Giang;

***- Thư ký phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa***: ông Võ Như Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 111/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1010/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/7/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 1009/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983, địa chỉ: thôn 03 xã T thành phố Đà Nẵng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thị T**; chị Phạm Thị Thuỳ L, sinh năm 2000, địa chỉ: khối phố Đồng Sim, phường T, thành phố Đà Nẵng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

- **Bị đơn**: anh **Mai Hải L**, sinh năm 1976; địa chỉ: thôn 03 xã T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo nội dung đơn xin ly hôn và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T thể hiện:***

*Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Mai Hải L tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Cuộc sống chung giữa chị và anh L không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Hiện nay, anh, chị không chung sống với nhau nữa, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn đối với anh Mai Hải L.

*Về con chung*: Thời gian sống chung, chị và anh L có 2 con chung nhưng hiện nay một cháu đã trưởng thành đủ 18 tuổi, còn lại cháu Mai Ngọc Khánh Tr, sinh ngày 10/01/2014 hiện chị đang nuôi dưỡng, sau khi ly hôn chị yêu cầu nhận nuôi cháu Tr, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Đối với bị đơn anh Mai Hải L:*** tại Biên bản ghi lời khai, Biên bản hoà giải thể hiện: Anh thống nhất với ý kiến của chị T về thời gian xác lập quan hệ hôn nhân, về con chung. Anh thừa nhận thời gian gần đây giữa anh và chị T có xảy ra một vài mâu thuẫn nhỏ, chủ yếu do những chuyện lặt vặt trong gia đình, vấn đề này không quan trọng phải dẫn đến vợ chồng phải ra toà ly hôn. Vì vậy, anh không thống nhất với yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Hiện nay, con chung của anh và chị T còn cháu Mai Ngọc Khánh Tr chưa đủ 18 tuổi, nhưng việc cháu Tr thích sinh sống với ai là quyền lựa chọn của cháu, anh không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không có yêu cầu Toà án giải quyết.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, xử: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Mai Hải L; giao cháu Mai Ngọc Khánh Tr, sinh ngày 10/01/2014 cho chị Tiên trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp đã được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Về tố tụng:** Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với anh Mai Hải L có địa chỉ thôn 03 xã T, thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Mai Hải L đã được Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà, tại phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2] Về nội dung vụ án:**

***[2.1] Về quan hệ hôn nhân***: Chị Nguyễn Thị T và anh Mai Hải L xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn đúng thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền, đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của chị T và anh L là hôn nhân hợp pháp.

Qúa trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T cho rằng cuộc sống chung giữa chị và anh Mai Hải L đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, chị không còn tình cảm gì với anh L nữa, nên mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu được giải quyết ly hôn với anh Mai Hải L. Mặc dù anh L cho rằng mâu thuẫn giữa anh và chị T chưa đến mức độ phải ly hôn nhưng sau khi Toà án tiến hành tổ chức hoà giải phiên thứ nhất thì sau đó anh bỏ mặc không đến Toà án để tham gia hoà giải lần thứ 2 để thể hiện thiện chí muốn đoàn thụ gia đình với chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để khẳng định hôn nhân giữa chị T và anh L không có điều kiện để tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị T được ly hôn với anh L là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật.

***[2.2] Về con chung:*** Qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T yêu cầu được nuôi con chung, phía bị đơn anh L không phản đối và đề nghị Toà án xem xét giao con chung theo nguyện vọng của cháu Mai Ngọc Khánh Tr, tại bản tự khai ghi ngày 02/7/2026 thể hiện cháu Tr có nguyện vọng được ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu Tr còn nhỏ, là cháu

gái và đang được chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó để đảm bảo quyền lợi của cháu, giữ ổn định cuộc sống và tâm lý của con. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T, giao con chung Mai Ngọc Khánh Tr cho chị T nuôi dưỡng đến trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

***[2.3] Về tài sản chung và nợ chung***: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

***[2.4] Về án phí***: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 21, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Mai Hải L

Về con chung: Giao con chung Mai Ngọc Khánh Tr, sinh ngày 10/01/2014 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng đến trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Mai Hải L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

*Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tiên đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003471 ngày 08/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử theo trình tự phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 7 – Đà Nẵng;
- Chi cục THADS TP Đà Nẵng;
- UBND xã Tiên Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**( Đã ký )**

**Trà Thị Thanh Thắm**

